TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 367/2026/DS-PT
Ngày 09 - 4 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Châu

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung

Bà Võ Thị Mỹ Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2026, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 80/2026/TLPT-DS ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2025/DS-ST, ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 278/2026/QĐ-PT, ngày 06 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 413/2026/QĐ-PT ngày 25/03/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Ngô Thị L, sinh năm 1969; cư trú tại: ấp I, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp I, xã A, tỉnh Vĩnh Long), có mặt.

- *Bị đơn:* 1. Ông Lê Văn Bé B, sinh năm 1963, vắng mặt.

2. Bà Lê Thị Y, sinh năm 1968, có mặt.

Cùng cư trú tại: ấp I, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Nay là ấp I, xã A, tỉnh Vĩnh Long).

Đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn Bé B: Bà Lê Thị Y, theo văn bản ủy quyền đề ngày 06/02/2025, có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị Y là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/03/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Ngô Thị L trình bày và có yêu cầu như sau:

Bà L làm đầu thảo hụi, có mở nhiều dây hụi, trong đó có bà Lê Thị Y là hụi viên; vào ngày 29/5/2017 (âm lịch) bà có mở 02 dây hụi giống nhau, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm có 20 phần chơi, dây thứ hai bà Lê Thị Y có tham gia 01 phần lấy tên là Lê Văn Bé B (chồng của bà Y), hụi khui theo vụ lúa, 04 tháng khui 01 lần, bằng hình thức bỏ thăm, ai kêu thăm cao thì được hốt hụi, mỗi lần khui hụi thì đầu thảo hưởng huê hồng là 500.000 đồng. Việc giao dịch hụi, bà có giao danh sách hụi cho các hụi viên cất giữ 01 bản. Ngày 29/9/2017 (âm lịch) bà Y, ông B là người hốt được hụi ở lần khui thứ 2, kêu thăm 1.000.000 đồng, sau khi trừ tiền huê hồng 500.000 đồng, bà L đã giao đủ tiền hụi cho bà Y với số tiền hốt được là 19.500.000 đồng do ông Bé B nhận. Trong dây hụi này bà Y đóng hụi sống được 01 lần. Đóng hụi chết được 13 lần bằng 26.000.000 đồng thì bà Y không đóng hụi nữa. Hiện nay bà Y còn thiếu 5 lần hụi chết bằng 10.000.000 đồng bà đã đóng choàng, dây hụi này đã mãn vào ngày 09/02/2024 âm lịch.

Nay bà Ngô Thị L yêu cầu bà Lê Thị Y, ông Lê Văn B phải trả lại cho bà là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), tương ứng với 05 lần hụi chết mà bà đã bỏ tiền ra đóng choàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Y có lời trình bày và có yêu cầu như sau: Bà Y thừa nhận có tham gia dây hụi mùa 4 tháng khui 01 lần do bà Ngô Thị L làm đầu thảo đối với dây hụi mở vào ngày 29/5/2017 (âm lịch) và bà Y đã hốt hụi xong kỳ thứ hai, bà L giao đủ tiền hụi cho chồng bà là ông B nhận với số tiền bằng 19.500.000 đồng, sau khi trừ tiền đầu thảo là 500.000 đồng, nhưng sau khi hốt hụi thì bà đã đóng lại hụi chết cho bà L đầy đủ đến nay không còn thiếu khoản tiền hụi chết nào. Việc đóng tiền hụi không có làm giấy tờ, không có người làm chứng. Nay bà Y không đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L, vì bà đã đóng hụi chết đầy đủ đến nay không còn thiếu khoản tiền hụi nào của bà L.

Ông Lê Văn Bé B có văn bản ủy quyền cho bà Lê Thị Y tham gia tố tụng nên không có lời trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án, các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2025/DS-ST, ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long, đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 91, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 471, khoản 1 Điều 468 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Căn cứ Điều 16, 24 Nghị định: 19/2019/NĐ - CP, ngày 19/02/2019 của Chính Phủ về hụi, họ, biêu, phường; *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị L.

Buộc bà Lê Thị Y, ông Lê Văn Bé B trả cho bà Ngô Thị L số tiền nợ hụi 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17 tháng 12 năm 2025, bà Lê Thị Y kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn bà Lê Thị Y giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ mới và không có thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trình bày của người kháng cáo bà Lê Thị Y: Khi tham gia chơi hụi thì bà Ngô Thị L có đưa cho bà 01 danh sách hụi viên tham gia chơi hụi, khi hốt hụi thì bà L cũng yêu cầu bà hoặc chồng bà ký tên vào sổ nhận tiền hụi đủ, nhưng khi bà đóng lại hụi chết thì bà L không ký hoặc ghi cho bà giấy tờ gì cả, cho nên bà đã đóng hụi đầy đủ rồi mà bà L vẫn cho rằng bà còn thiếu tiền hụi của bà L và đã khởi kiện vợ chồng bà nhiều vụ án. Nay bà yêu cầu bà L phải cung cấp giấy tờ chứng minh là bà còn nợ tiền hụi của của bà L thì bà đồng ý trả, trường hợp không cung cấp giấy tờ chứng minh vợ chồng bà còn nợ số tiền hụi chết đối với dây hụi này (mở vào ngày 29/5/2017 âm lịch) thì đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà L.

Ý kiến trình bày của nguyên đơn: Khi mở dây hụi mới thì bà và các hụi viên tham gia cùng dây hụi có lập 01 bản cam kết góp vốn làm ăn, có danh sách kèm theo biên bản, bà có giao cho hụi viên mỗi người giữ 01 bản, còn bà thì giữ bản chính. Quá trình hụi viên đóng - hốt hụi thì bà có ghi vào sổ theo dõi của bà, áp dụng đối với tất cả hụi viên ai cũng thế, không có hụi viên nào yêu cầu tôi phải ghi giấy đã đóng hụi, vì khi lại đóng hụi thì bà và người đó đã đánh dấu vào sổ hụi nên không có lẫn lộn gì cả. Việc bà Y và ông Bé B còn thiếu tiền hụi của bà đều có người làm

chứng, bà đi đòi rất nhiều lần nhưng bà Y không trả nên buộc bà phải đi khởi kiện (Trong đó có bản án số 47/2025/DS-ST ngày 26/09/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long và bản án phúc thẩm số 103/2026/DS-PT ngày 29/01/2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, đã buộc bà Y, ông B trả cho bà L số tiền 14.000.000 đồng), nay đến dây hụi này. Bà L yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự, người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy: kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Y là không có căn cứ chấp nhận. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, giữ nguyên án sơ thẩm. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc bà Lê Thị Y phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Y làm trong hạn luật định và hợp lệ nên chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Văn Bé B vắng mặt, nhưng đã ủy quyền cho bà Lê Thị Y tham gia tố tụng hợp lệ (BL 50) nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[3] Xét đơn kháng cáo của bà Lê Thị Y, Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình thụ lý giải quyết ở cấp sơ thẩm, cả bà Ngô Thị L và bà Lê Thị Y đều xác nhận, vào ngày 29/5/2017 âm lịch, bà L có mở 02 dây hụi, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm có 20 phần, bà Lê Thị Y tham gia 01 phần của dây hụi thứ 2 lấy tên là Lê Văn Bé B (chồng của bà Y), hụi khui theo vụ lúa 04 tháng khui 01 lần, bằng hình thức bỏ thăm, ai kêu thăm cao thì được hốt hụi, mỗi lần khui hụi đầu thảo hưởng huê hồng 500.000 đồng/01 lần hốt. Việc giao dịch hụi bà L có giao danh sách cho các hụi viên cất giữ. Ngày 29/9/2017 âm lịch, bà Y, ông B là người hốt được hụi ở kỳ khui thứ hai, kêu thăm 1.000.000 đồng, sau khi trừ tiền huê hồng 500.000 đồng, bà L đã giao hụi cho bà Y số tiền 19.500.000 đồng do ông Bé B đại diện nhận đủ số tiền hụi của bà L giao, hiện nay sổ ký nhận tiền hụi bà L đang quản lý cất giữ. Bị đơn bà Lê Thị Y cũng thừa nhận có tham gia chơi hụi dây hụi mở ngày 29/5/2017 âm lịch như bà L trình bày, đã hốt hụi kỳ thứ hai và thừa nhận đã nhận đủ tiền hụi

do đầu thảo bà L giao 19.500.000 đồng nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Bà L cho rằng, sau khi hốt hụi xong, bà Y đóng hụi chết cho bà L được 13 lần bằng 26.000.000 đồng thì bà Y ngưng không đóng hụi chết nữa (bà Y đóng được 01 lần hụi sống + lần thứ 2 hốt nên không đóng hụi + đóng hụi chết được 13 lần). Cho nên còn 05 lần chưa đóng hụi chết với số tiền là 10.000.000 đồng, bà đã phải đóng choàng cho bà Y nên yêu cầu bà Y và ông B phải có trách nhiệm trả, hiện sổ hụi bà vẫn còn giữ; còn bị đơn bà Lê Thị Y không thừa nhận và cho rằng bà đóng hụi chết đầy đủ cho bà L, không còn thiếu bà L khoản tiền nào nhưng bà Y cũng không có tài liệu nào chứng minh là đã đóng đủ tiền hụi.

Những nhân chứng gồm bà Nguyễn Thị Yến N, bà Nguyễn Thị H là những người lân cận và có tham gia chơi hụi với bà L đều xác nhận có nghe việc bà L điện thoại đòi tiền hụi bà Y và bà Y có hứa trả, sau đó bà Y còn thách thức kêu bà L đi thưa. Chứng tỏ việc bà Lê Thị Y còn nợ tiền hụi của bà Ngô Thị L được bà N với bà H nghe là có thật. Bị đơn bà Lê Thị Y cũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh bà đã đóng tiền hụi chết đầy đủ cho đến mãn hụi để phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Từ đó, cấp sơ thẩm buộc bà Lê Thị Y và ông Lê Văn Bé B có nghĩa vụ trả lại tiền hụi chết chưa đóng đối với dây hụi thứ hai mở ngày 29/5/2017 âm lịch cho bà Ngô Thị L với tổng số tiền bằng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) là có căn cứ. Từ đó, kháng cáo của bà Lê Thị Y là không có cơ sở chấp nhận nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, kháng cáo của bà Lê Thị Y không được chấp nhận, bà Y không thuộc trường hợp được miễn án phí nên phải chịu án phí bằng 300.000 đồng, được cấn trừ vào tiền nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012308 ngày 17/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, nên không phải nộp tiếp.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[6] Các quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025; áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Yếu

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 61/2025/DS-ST, ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Vĩnh Long.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị L.

Buộc bà Lê Thị Y, ông Lê Văn Bé B trả cho bà Ngô Thị L số tiền nợ hụi bằng 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Buộc bà Lê Thị Y, ông Lê Văn B phải chịu án phí bằng 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Do ông Lê Văn Bé B là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí bằng 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), bà Lê Thị Y có nghĩa vụ nộp số tiền bằng 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng), nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự;

Bà Ngô Thị L không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà Ngô Thị L số tiền tạm ứng án phí 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004648 ngày 21/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 11 – Vĩnh Long).

3. *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Buộc bà Lê Thị Y phải chịu bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được cấn trừ vào tiền nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0012308 ngày 17/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long, nên không phải nộp tiếp.

4. Các quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 11 – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 11 – Vĩnh Long;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Ngô Thị Kim Châu